

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CƯ M'GAR  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27 – 10 – 2022

*V/v không công nhận quan hệ  
vợ chồng và chia tài sản chung  
của nam, nữ chung sống với  
nhau như vợ chồng mà không  
đăng ký kết hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Việt Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Minh Mẫn, ông Nguyễn Văn Mạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 315/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” và “*Chia tài sản chung của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Bà Hồ Thị M – Sinh năm: 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

**\* Bị đơn:** Ông Phan Hữu T – Sinh năm: 1970 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bà Hồ Thị M trình bày:***

Bà và ông Phan Hữu T tự nguyện chung sống với nhau tại xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, giữa bà

và ông T có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do ông T có quan hệ với người phụ nữ khác. Bà đã có 03 lần bắt quả tang ông T đi ngoại tình.

Nay, bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 04 con chung là:

1. Phan Thị D - Sinh năm: 1994
2. Phan Thị T - Sinh năm: 1997
3. Phan Hữu P - Sinh năm: 1998
4. Phan Hữu L - Sinh năm: 2000

Các con chung đã đủ 18 tuổi, trưởng thành sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn khởi kiện, bà yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất của một số thửa đất là tài sản chung của bà và ông T. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà đã tự nguyện rút yêu cầu về việc chia tài sản chung của bà và ông T.

**\* Tại bản tự khai, bị đơn ông Phan Hữu T trình bày:** Ông Phan Hữu T trình bày ông đề nghị Tòa án gia hạn thêm 01 tháng cho ông.

Tại phiên tòa, ông Phan Hữu T trình bày: Ông và bà Hồ Thị M tự nguyện chung sống với nhau tại xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, bà M có cho rằng ông ngoại tình. Tuy nhiên, ông xác định do trong công việc ông phải đi lại giao lưu, va chạm bên ngoài chứ không có việc ngoại tình.

Nay, bà M yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà M và ông T ông không đồng ý.

Về con chung: Ông và bà M có 04 con chung là:

1. Phan Thị D - Sinh năm: 1994
2. Phan Thị T - Sinh năm: 1997
3. Phan Hữu P - Sinh năm: 1998
4. Phan Hữu L - Sinh năm: 2000

Các con chung đã đủ 18 tuổi, trưởng thành sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:** Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng, đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp,

thu thập chứng cứ, xác minh, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn bà Hồ Thị M chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phan Hữu T không chấp hành nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hồ Thị M và ông Phan Hữu T.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị M về việc yêu cầu chia tài sản chung của bà Hồ Thị M và ông Phan Hữu T.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn bà Hồ Thị M và bị đơn ông Phan Hữu T có địa chỉ tại Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ theo quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị M và ông Phan Hữu T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu theo bà M trình bày là do ông T có quan hệ với người phụ nữ khác. Do đó, bà Hồ Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hồ Thị M và ông Phan Hữu T.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*”.

Tại khoản 3 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này*”.

Bà Hồ Thị M và ông Phan Hữu T chung sống với nhau từ năm 1994, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn. Đối với yêu cầu của bà Mận về việc yêu cầu Tòa án giải quyết

không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà M và ông T. Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Hồ Thị M và ông Phan Hữu T có 04 con chung là Phan Thị D (Sinh năm: 1994), Phan Thị T (Sinh năm: 1997), Phan Hữu P (Sinh năm: 1998), Phan Hữu L (Sinh năm: 2000). Các con chung đã đủ 18 tuổi, trưởng thành sống tự lập, có khả năng lao động. Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng và cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Theo yêu cầu khởi kiện ban đầu thì bà Hồ Thị M yêu cầu chia tài sản chung của bà Hồ Thị M và ông Phan Hữu T. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà đã tự nguyện rút yêu cầu về việc chia tài sản chung. Việc bà Hồ Thị M rút yêu cầu chia tài sản chung hoàn toàn là tự nguyện, ông Phan Hữu T cũng không có yêu cầu về việc chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử xét thấy cần đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia tài sản chung.

Như vậy, về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Hồ Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả cho bà Hồ Thị M tiền tạm ứng án phí do đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị M

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hồ Thị M và ông Phan Hữu T.

**2.** Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị M về việc yêu cầu chia tài sản chung của bà Hồ Thị M và ông Phan Hữu T

Hậu quả của việc đình chỉ: Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**3.** Về án phí: Bà Hồ Thị M phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 7.300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013569 ngày 26/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Hoàn trả cho bà Hồ Thị M số tiền 7.000.000đồng tạm ứng án phí còn thừa tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- CCTHADS huyện Cư M'gar;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Việt Tuấn**